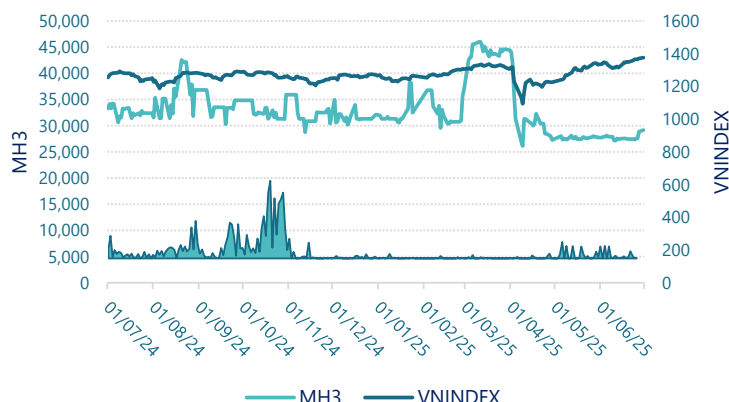


CTCP Khu Công nghiệp Cao su Bình Long (UPCOM: MH3)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,067
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,121
SL cổ phiếu LH	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,820
% sở hữu nước ngoài	2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	737
P/E	19.2
EPS	1,602

DT thuần

Q2/25

26.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.70 | 16.6%

YoY: ▲ 1.80 | 7.6%

LN sau thuế

Q2/25

12.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.60 | 15.4%

YoY: ▼ 9.80 | -44.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

57.9%

+/- YoY: ▼ 55.0%

DT thuần

6T 2025

48.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.10 | 6.6%

LN sau thuế

6T 2025

22.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 10.0 | -30.7%

ROE

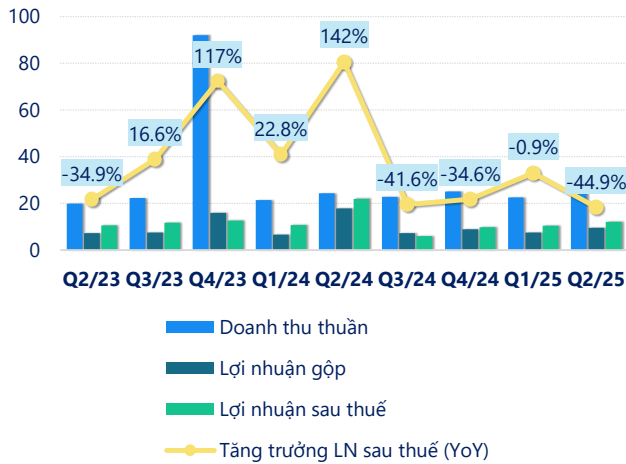
Q2/25

7.1%

+/- YoY: ▼ 8.4%

tỷ VNĐ

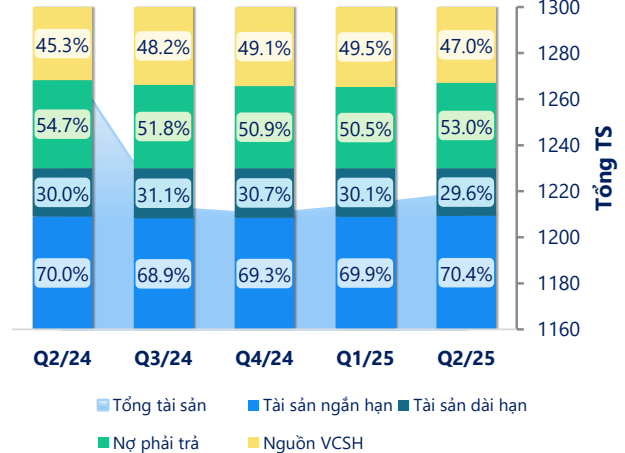
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

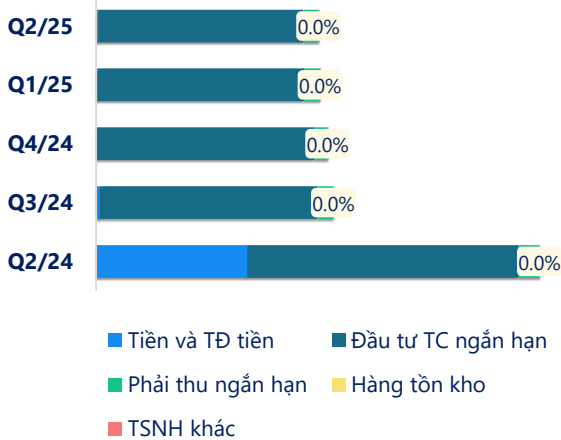
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



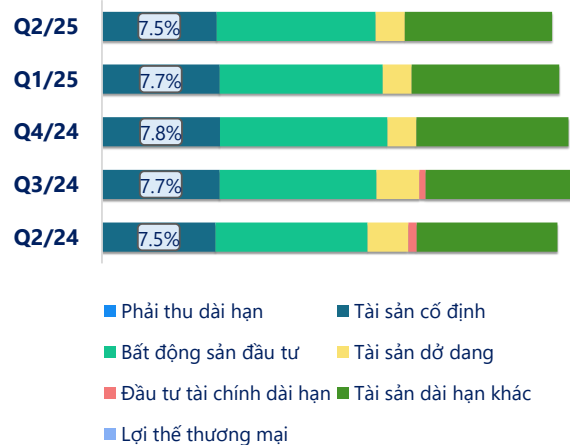
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

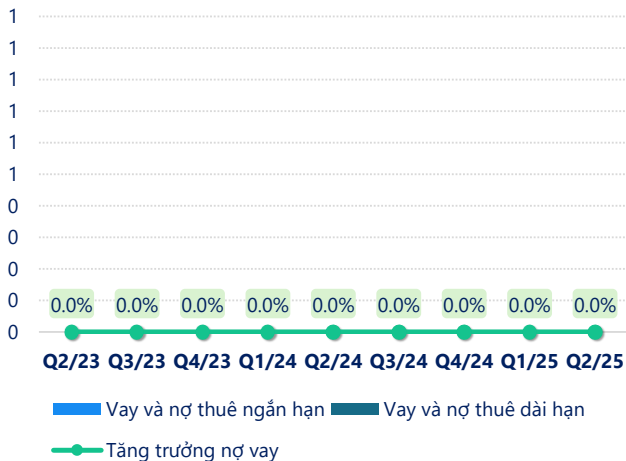
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

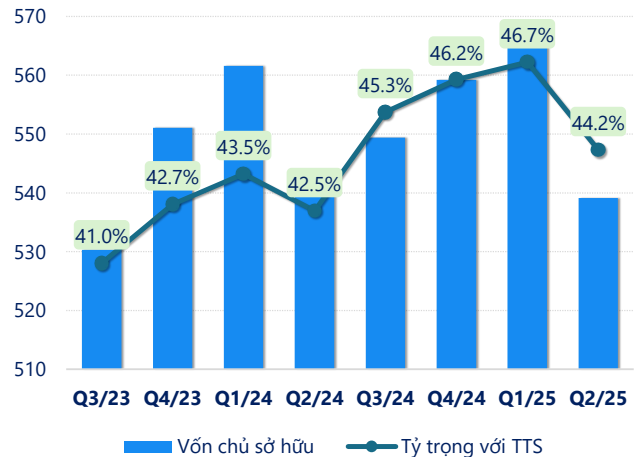
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

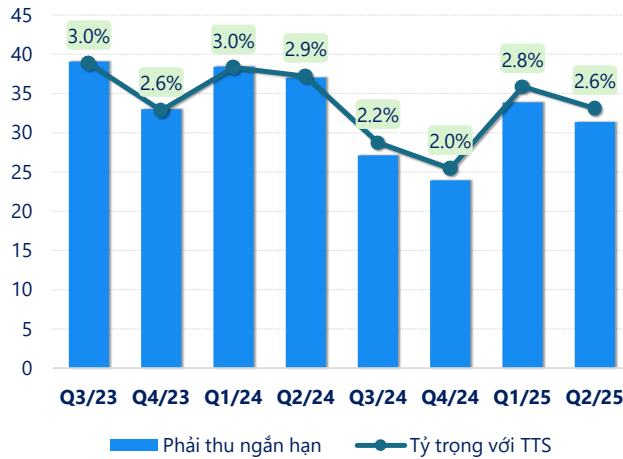
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



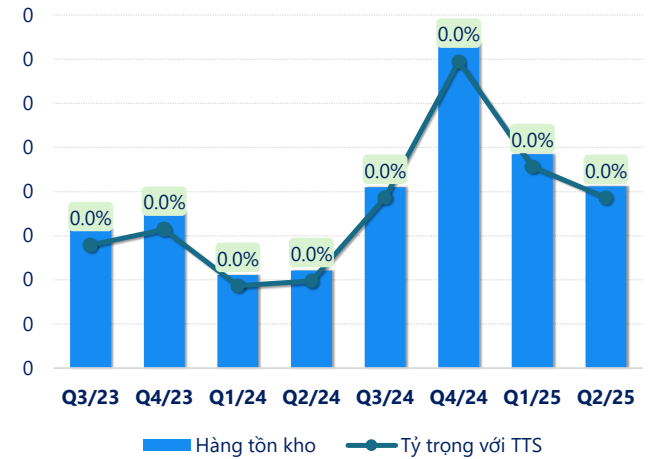
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


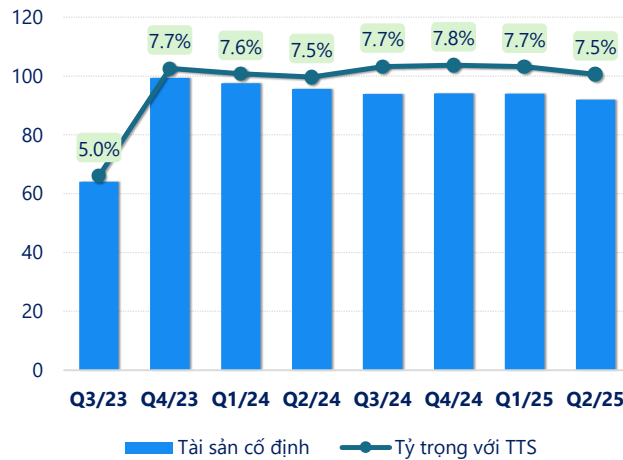
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


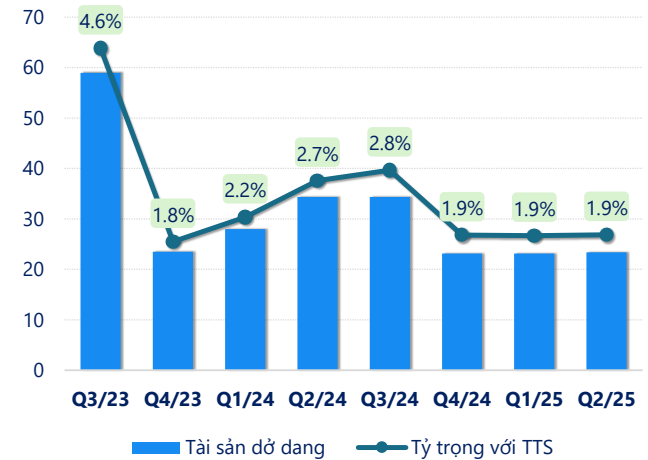
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

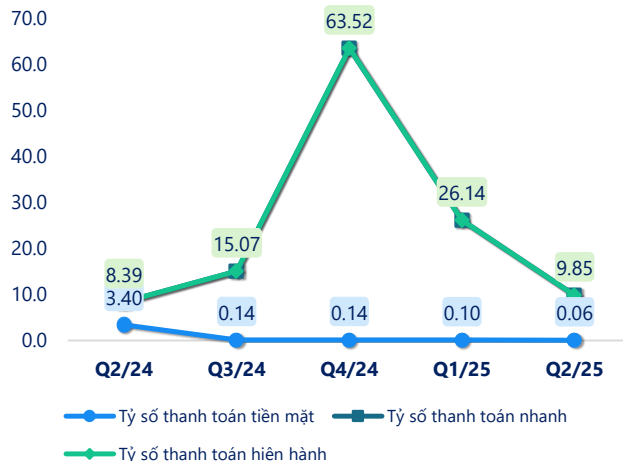
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

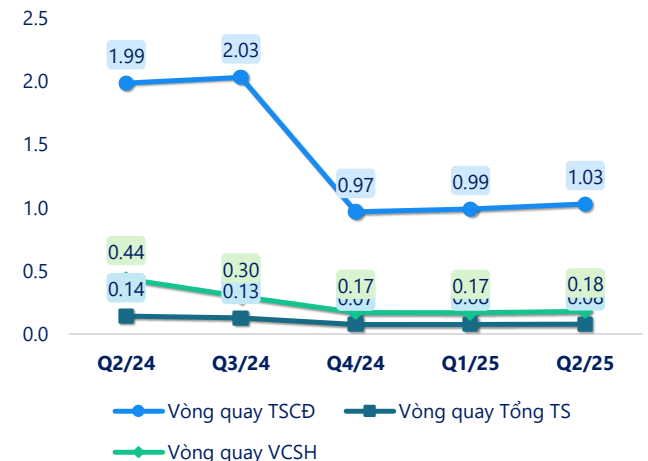
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,279	1,213	1,210	1,214	1,219
Tài sản ngắn hạn	896	836	839	849	858
Tiền và tương đương tiền	363	7.73	1.86	3.11	5.38
Đầu tư tài chính ngắn hạn	493	799	810	810	820
Phải thu ngắn hạn	37.0	27.1	23.9	33.9	31.4
Hàng tồn kho	0.11	0.20	0.37	0.24	0.21
Tài sản ngắn hạn khác	2.59	1.93	2.16	1.54	1.20
Tài sản dài hạn	383	377	372	365	361
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	95.6	93.9	94.1	94.0	92.0
Bất động sản đầu tư	128	125	133	130	128
Tài sản dở dang	34.4	34.4	23.2	23.2	23.4
Đầu tư tài chính dài hạn	7.00	5.00	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	118	118	121	118	118
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	699	628	616	613	647
Nợ ngắn hạn	107	55.5	13.2	32.5	87.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.68	7.53	4.91	5.04	5.42
Nợ dài hạn	592	572	603	580	559
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	580	585	594	601	573
Vốn chủ sở hữu	543	549	559	567	539
Vốn điều lệ	240	240	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	36.5	35.8	35.1	34.3	33.6

(Nguồn: fireant.vn)